

ĐỀ CHÍNH THỨC

NĂM HỌC 2020 – 2021

Môn: Hóa Học – Lớp 12 – Khối: KHTN

(Thời gian làm bài: 50 phút)

Họ và tên học sinh:

Số báo danh:

Cho biết nguyên tử khối của: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Sr = 88; Ag = 108; Ba = 137; Pb = 207.

Câu 41: Công thức của triolein là**Câu 42:** Dung dịch nào sau đây có pH < 7?**Câu 43:** Este nào sau đây tác dụng với dung dịch NaOH thu được C_2H_5OH ?**Câu 44:** Đun nóng dung dịch chứa m gam glucosơ với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 , thu được 8,64 gam Ag. Biết hiệu suất phản ứng đạt 80%. Giá trị của m là

A. 18,0.

B. 9,0.

C. 8,10.

D. 14,4.

Câu 45: Số nhóm cacboxyl và số nhóm amino có trong một phân tử axit glutamic tương ứng là

A. 2 và 2.

B. 1 và 2.

C. 1 và 1.

D. 2 và 1.

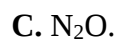
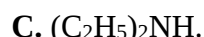
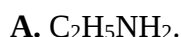
Câu 46: Số nguyên tử cacbon trong phân tử saccarozơ là

A. 12.

B. 6.

C. 22.

D. 11.

Câu 47: Cho kim loại Cu tác dụng với HNO_3 loãng, thu được khí X không màu, hóa nâu trong không khí. Khí X là**Câu 48:** Metylamin có công thức là**Câu 49:** Cho kim loại Zn dư vào 100 ml dung dịch $AgNO_3$ 0,1M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được khối lượng Ag là

A. 1,30 gam.

B. 1,08 gam.

C. 0,65 gam.

D. 2,16 gam.

Câu 50: Trong công nghiệp, kim loại nào sau đây được điều chế bằng phương pháp điện phân nóng chảy?

A. Ag.

B. Fe.

C. Cu.

D. Na.

Câu 51: Đun nóng hỗn hợp gồm 2,3 gam C_2H_5OH với 4,8 gam CH_3COOH có H_2SO_4 đặc làm chất xúc tác, thu được m gam este. Biết hiệu suất phản ứng đạt 80%. Giá trị của m là

A. 5,63.

B. 3,52.

C. 4,40.

D. 7,04.

Câu 52: Thủy phân hoàn toàn 0,1 mol metyl axetat trong dung dịch NaOH dư, đun nóng, thu được m gam muối. Giá trị của m là

A. 8,2.

B. 3,2.

C. 6,7.

D. 4,6.

Câu 53: Cho 1 ml dung dịch NH_3 vào ống nghiệm chứa 1 ml dung dịch $AlCl_3$, thấy xuất hiện

A. kết tủa màu trắng.

B. kết tủa màu đen.

C. kết tủa màu vàng.

D. bọt khí thoát ra.

Câu 54: Chất nào sau đây thuộc loại axit cacboxylic?

A. CH_3COOH .

B. CH_3NH_2 .

C. CH_3CHO .

D. C_2H_5OH .

Câu 55: Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Ở nhiệt độ thường, các amin đều là chất khí.

B. Amino axit có tính chất lưỡng tính.

C. Dung dịch glyxin làm quỳ tím hóa xanh.

D. Anilin tác dụng với nước brom tạo kết tủa vàng.

Câu 56: Chất nào sau đây thuộc loại polime tổng hợp?

A. Poli butadien.

C. Xenlulozơ.

B. Cao su thiên nhiên.

D. Tơ tằm.

Câu 57: Este $CH_3COOC_2H_5$ có tên gọi là

A. etyl axetat.

B. metyl fomat.

C. metyl axetat.

D. etyl fomat.

Câu 58: Nhiệt phân muối nào sau đây thu được kim loại?

A. $Fe(NO_3)_2$.

B. $Cu(NO_3)_2$.

C. KNO_3 .

D. $AgNO_3$.

Câu 59: Cho m gam anilin ($C_6H_5NH_2$) tác dụng hết với dung dịch HCl dư. Cô cạn dung dịch sau phản ứng, thu được 12,95 gam muối khan. Giá trị của m là

A. 8,90 gam.

B. 9,18 gam.

C. 9,30 gam.

D. 11,16 gam.

Câu 60: Thủy phân chất X thu được glucozơ và fructozơ. Trong công nghiệp, chất X là nguyên liệu dùng trong kỹ thuật tráng gương, tráng ruột phích. Chất X là

A. glucozơ.

B. xenlulozơ.

C. tinh bột.

D. saccarozơ.

Câu 61: Thí nghiệm nào sau đây có xảy ra ăn mòn điện hóa học?

A. Cho lá nhôm vào dung dịch NaOH.

B. Cho lá đồng vào dung dịch gồm $Fe_2(SO_4)_3$ và H_2SO_4 .

C. Cho lá nhôm vào dung dịch gồm CuSO_4 và H_2SO_4 .

D. Đốt dây sắt trong khí clo.

Câu 62: Polietien được tạo ra bằng phản ứng trùng hợp monome nào sau đây?

A. $\text{CH}_2=\text{CHCl}$.

B. CH_3-CH_3 .

C. $\text{CH}\equiv\text{CH}$.

D. $\text{CH}_2=\text{CH}_2$.

Câu 63: Chất nào sau đây thuộc loại polisaccarit?

A. Saccarozơ.

B. Glucozơ.

C. Tinh bột.

D. Fructozơ.

Câu 64: Este X có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$. Thủy phân X trong dung dịch NaOH , thu được sản phẩm có HCOONa . Số công thức cấu tạo thỏa mãn tính chất của X là

A. 3.

B. 1.

C. 2.

D. 4.

Câu 65: Trong các ion sau, ion có tính oxi hóa mạnh nhất là

A. Cu^{2+} .

B. Fe^{2+} .

C. Mg^{2+} .

D. Zn^{2+} .

Câu 66: Trong phân tử chất nào sau đây chỉ có liên kết đơn?

A. Benzen.

B. Etilen.

C. Axetilen.

D. Etan.

Câu 67: Số liên kết peptit trong tetrapeptit mạch hở là

A. 2.

B. 4.

C. 3.

D. 5.

Câu 68: Kim loại có nhiệt độ nóng chảy thấp nhất là

A. Hg.

B. W.

C. Na.

D. Cr.

Câu 69: Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Kim loại W được dùng làm dây tóc bóng đèn sợi đốt là do W có độ cứng lớn nhất.

B. Trong các phản ứng hóa học, kim loại chỉ thể hiện tính khử.

C. Các nguyên tử có 1 hoặc 2 hoặc 3 electron ở lớp ngoài cùng đều là nguyên tố kim loại.

D. Cho kim loại Fe vào lượng dư dung dịch AgNO_3 , thu được muối $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$.

Câu 70: Tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:

Bước 1: Cho vào ống nghiệm khô 4-5 gam hỗn hợp bột mịn được trộn đều gồm CH_3COONa , NaOH , CaO .

Bước 2: Nút ống nghiệm bằng nút cao su có ống dẫn khí rồi lắp lên giá thí nghiệm.

Bước 3: Đun nóng phần đáy ống nghiệm tại vị trí hỗn hợp bột phản ứng bằng đèn cồn.

Cho các phát biểu sau:

(a) Thí nghiệm trên là thí nghiệm điều chế etan.

(b) Nếu thay CH_3COONa bằng HCOONa thì sản phẩm phản ứng vẫn thu được hydrocacbon.

(c) Dẫn khí thoát ra vào dung dịch Br_2 hoặc dung dịch KMnO_4 thì các dung dịch này bị mất màu.

(d) Nên lắp ống nghiệm chứa hỗn hợp phản ứng sao cho miệng ống nghiệm hơi dốc xuống.

(e) Muốn thu khí thoát ra ở thí nghiệm trên ít lẫn tạp chất ta phải thu bằng phương pháp dời nước.

Số phát biểu đúng là

A. 2.

B. 4.

C. 3.

D. 1.

Câu 71: Đốt cháy hoàn toàn 27,28 gam hỗn hợp X gồm glyxin, alanin, axit glutamic và axit oleic cần vừa đủ 1,62 mol O_2 , thu được H_2O , N_2 và 1,24 mol CO_2 . Mặt khác, nếu cho 27,28 gam X vào 200 ml dung dịch NaOH 2M rồi cô cạn cẩn thận dung dịch, thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là

A. 32,56.

B. 48,70.

C. 43,28.

D. 38,96.

Câu 72: Hỗn hợp X gồm CuO và MO (M là kim loại có hóa trị không đổi) có tỉ lệ mol tương ứng là 1 : 2. Cho khí CO dư đi qua 2,4 gam X nung nóng, thu được hỗn hợp chất rắn Y. Hòa tan hết Y trong 100 ml dung dịch HNO_3 1M, thu được khí NO (sản phẩm khử duy nhất của N^{+5}) và dung dịch chỉ chứa muối. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Phần trăm khối lượng của CuO trong X là

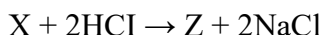
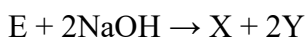
A. 54,17%.

B. 60,00%.

C. 50,00%.

D. 41,67%.

Câu 73: Cho E, Y, Z là các chất hữu cơ thỏa mãn các sơ đồ phản ứng theo đúng tỉ lệ mol:



Biết E có công thức phân tử là $C_4H_6O_4$ và chỉ chứa một loại nhóm chức. Cho các phát biểu:

(a) Dung dịch chất Z tác dụng được với $Cu(OH)_2$.

(b) Có hai công thức cấu tạo của E thỏa mãn sơ đồ trên.

(c) Đun nóng Y với H_2SO_4 đặc ở $170^\circ C$, thu được anken.

(d) Nhiệt độ sôi của $HCOOH$ cao hơn nhiệt độ sôi của Y.

Số phát biểu đúng là

A. 4.

B. 3.

C. 2.

D. 1.

Câu 74: Chất X (chứa vòng benzen) có công thức phân tử $C_7H_6O_2$, tác dụng được với dung dịch NaOH. Số công thức cấu tạo thỏa mãn tính chất của X là

A. 3.

B. 2.

C. 4.

D. 5.

Câu 75: Hỗn hợp E gồm triglixerit X, axit panmitic và axit stearic. Đốt cháy hoàn toàn m gam E cần vừa đủ 2,29 mol O_2 , thu được CO_2 và 1,56 mol H_2O . Mặt khác, m gam E phản ứng tối đa với dung dịch chứa 0,05 mol KOH và 0,04 mol NaOH thu được a gam hỗn hợp muối của hai axit cacboxylic. Giá trị của a là

A. 29,06.

B. 28,75.

C. 27,76.

D. 27,22.

Câu 76: Một loại supephotphat kép được sản xuất từ H_2SO_4 đặc và nguyên liệu là quặng photphorit (chứa 50% $Ca_3(PO_4)_2$, còn lại là tạp chất không chứa photpho). Để sản xuất được 159,75 tấn phân lân supephotphat kép có độ dinh dưỡng 40% thì cần dùng ít nhất m tấn quặng photphorit trên. Biết hiệu suất của cả quá trình sản xuất là 80%. Giá trị của m là

A. 211,63.

B. 279,00

C. 348,75.

D. 139,50

Câu 77: Hỗn hợp A gồm một amin X (no, hai chức, mạch hở) và hai hidrocarbon mạch hở Y, Z (đồng đẳng kế tiếp, $M_Y < M_Z$). Đốt cháy hoàn toàn 19,3 gam hỗn hợp A cần vừa đủ 1,825 mol O_2 , thu được CO_2 , H_2O và 2,24 lít N_2 (ở đktc). Mặt khác, 19,3 gam A phản ứng cộng được tối đa với 0,1 mol brom trong dung dịch. Biết trong A có hai chất cùng số nguyên tử cacbon. Phần trăm khối lượng của Y trong A là

- A. 21,76%. B. 18,13%. C. 17,62%. D. 21,24%.

Câu 78: Cho các phát biểu sau:

- (a) Poli(metyl metacrylat) là chất rắn trong suốt, có khả năng cho ánh sáng truyền qua tốt.
 (b) Dầu mỡ động thực vật sau khi rắn, có thể được tái chế thành nhiên liệu.
 (c) Saccarozơ có phản ứng tráng bạc nên được dùng làm nguyên liệu trong kĩ thuật tráng gương.
 (d) Để rửa sạch anilin bám trong ống nghiệm ta dùng dung dịch HCl loãng.
 (e) 1 mol peptit Glu-Ala-Gly phản ứng được tối đa với 3 mol NaOH trong dung dịch.

Số phát biểu đúng là

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 2.

Câu 79: Đốt cháy 8,84 gam hỗn hợp E gồm hai este mạch hở X, Y (đều được tạo thành từ axit cacboxylic và ancol; $M_X < M_Y$) cần vừa đủ 0,37 mol O_2 , thu được CO_2 và H_2O . Mặt khác, cho 8,84 gam E tác dụng với dung dịch NaOH (lấy dư 25% so với lượng phản ứng), thu được dung dịch Z. Cô cạn Z thu được các ancol cùng dãy đồng đẳng và hỗn hợp chất rắn T. Đốt cháy T, thu được sản phẩm gồm CO_2 ; 0,27 gam H_2O và 0,075 mol Na_2CO_3 . Biết các chất trong T đều có phân tử khối nhỏ hơn 180 và các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Khối lượng của Y trong 8,84 gam E là

- A. 7,10. B. 1,74. C. 1,46. D. 8,70.

Câu 80: Hỗn hợp E gồm một ancol no, đơn chức, mạch hở X và hai hidrocarbon Y, Z (đều là chất lỏng ở điều kiện thường, cùng dãy đồng đẳng, $M_Y < M_Z$). Đốt cháy hoàn toàn E cần vừa đủ 1,425 mol O_2 , thu được H_2O và 0,9 mol CO_2 . Công thức phân tử của Y là

- A. C_6H_{14} . B. C_5H_{10} . C. C_5H_{12} . D. C_6H_{12} .

----- HẾT -----

BẢNG ĐÁP ÁN

41-D	42-C	43-B	44-B	45-D	46-A	47-B	48-B	49-B	50-D
51-B	52-A	53-A	54-A	55-B	56-A	57-A	58-D	59-C	60-D
61-C	62-D	63-C	64-C	65-A	66-D	67-C	68-A	69-B	70-A
71-D	72-C	73-C	74-D	75-D	76-C	77-B	78-A	79-B	80-C

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 51: Chọn B.

$$n_{\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}} = 0,05; n_{\text{CH}_3\text{COOH}} = 0,08$$

$$\rightarrow n_{\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5} = 0,05.80\% = 0,04$$

$$\rightarrow m_{\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5} = 3,52 \text{ gam.}$$

Câu 59: Chọn C.

$$n_{\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2} = n_{\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_3\text{Cl}} = 0,1$$

$$\rightarrow m_{\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2} = 9,3 \text{ gam.}$$

Câu 70: Chọn A.

Phản ứng của thí nghiệm:



(a) Sai, điều chế metan.

(b) Sai: $\text{HCOONa} + \text{NaOH} \rightarrow \text{H}_2 + \text{Na}_2\text{CO}_3$

(c) Sai, CH_4 không tác dụng với dung dịch KMnO_4 , dung dịch Br_2 .

(d) Đúng, việc lắp dốc xuống để phòng hóa chất bị ẩm, có hơi nước thoát ra và ngưng tụ ở miệng ống không bị chảy ngược xuống đáy ống gây vỡ ống.

(e) Đúng.

Câu 71: Chọn D.

Quy đổi X thành $\text{C}_2\text{H}_3\text{ON}(a)$, $\text{CH}_2(b)$, $\text{CO}_2(c)$ và $\text{H}_2\text{O}(a)$

$$m_X = 57a + 14b + 44c + 18a = 27,28$$

$$n_{\text{O}_2} = 2,25a + 1,5b = 1,62$$

$$n_{\text{CO}_2} = 2a + b + c = 1,24$$

$$\rightarrow a = 0,16; b = 0,84; c = 0,08$$

$$n_{\text{NaOH}} = 0,4 > a + c \text{ nên kiềm dư} \rightarrow n_{\text{H}_2\text{O}} \text{ sản phẩm trung hòa} = a + c$$

Bảo toàn khối lượng:

$$m_X + m_{\text{NaOH}} = m_{\text{rắn}} + m_{\text{H}_2\text{O}} \text{ sản phẩm trung hòa}$$

$$\rightarrow m_{\text{rắn}} = 38,96 \text{ gam.}$$

Câu 72: Chọn C.

$$n_{\text{CuO}} = a \text{ và } n_{\text{MO}} = 2a$$

TH1: MO có bị CO khử, Y gồm Cu (a) và M (2a).

$$n_{\text{HNO}_3} = 0,1 \rightarrow n_{\text{NO}} = 0,025$$

$$\text{Bảo toàn electron: } 2a + 2.2a = 0,025.3 \rightarrow a = 0,0125$$

$$\rightarrow m_A = 0,0125.80 + 0,0125.2.(M+16) = 2,4$$

$$\rightarrow M = 40 : \text{Ca (Loại vì CaO không bị khử)}$$

TH2: MO không bị CO khử, Y gồm Cu (a) và MO (2a).

$$\rightarrow n_{\text{NO}} = \frac{2a}{3}.$$

$$n_{\text{H}^+} = 4n_{\text{NO}} + 2n_{\text{O}} \rightarrow 0,1 = 4.\frac{2a}{3} + 2.2a$$

$$\rightarrow a = 0,015$$

$$\rightarrow m_A = 0,015.80 + 0,015.2.(M+16) = 2,4$$

$$\rightarrow M = 24 : \text{Mg}$$

$$\text{X gồm CuO (0,015) và MgO (0,03)} \rightarrow \% \text{CuO} = 50\%$$

Câu 73: Chọn C.

Phản ứng (2) $\rightarrow$ X là $(\text{COONa})_2$, Z là $(\text{COOH})_2$

Phản ứng (1) $\rightarrow$ E là $(\text{COOCH}_3)_2$, Y là CH_3OH .

(a) Đúng: $(\text{COOH})_2 + \text{Cu}(\text{OH})_2 \rightarrow (\text{COO})_2\text{Cu} + \text{H}_2\text{O}$

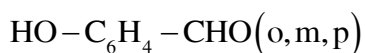
(b) Sai, E có 1 cấu tạo.

(c) Sai, Y có 1C nên không thể tạo anken.

(d) Đúng, HCOOH có liên kết H liên phân tử mạnh hơn Y, đồng thời phân tử khối lớn hơn Y nên nhiệt độ sôi cao hơn Y.

Câu 74: Chọn D.

X có 5 cấu tạo thỏa mãn:



Câu 75: Chọn D.

$$n_{\text{KOH}} + n_{\text{NaOH}} = 0,09$$

Quy đổi E thành $\text{HCOOH}(0,09), \text{CH}_2(x), \text{C}_3\text{H}_5(\text{OH})_3(y)$ và $\text{H}_2\text{O}(-3y)$

$$n_{\text{O}_2} = 0,09.0,5 + 1,5x + 3,5y = 2,29$$

$$n_{\text{H}_2\text{O}} = 0,09 + x + 4y - 3y = 1,56$$

$$\rightarrow x = 1,45; y = 0,02$$

Muối gồm $\text{HCOO}-(0,09), \text{CH}_2(x), \text{K}^+(0,05), \text{Na}^+(0,04)$

$$\rightarrow m_{\text{muối}} = 27,22 \text{ gam.}$$

Câu 76: Chọn C.

$$m_{\text{P}_2\text{O}_5} = 159,75.40\% = 63,9 \text{ tấn.}$$

$$\rightarrow n_{\text{Ca}_3(\text{PO}_4)_2} = n_{\text{P}_2\text{O}_5} = 0,45$$

$$\rightarrow m_{\text{quặng cần dùng}} = \frac{0,45.310}{50\%.80\%} = 348,75 \text{ tấn.}$$

Câu 77: Chọn B.

$$\text{X} = \text{CH}_4 + k\text{CH}_2 + 2\text{NH}$$

$$\text{Y}, \text{Z} = \text{CH}_4 + g\text{CH}_2 - p\text{H}_2$$

Quy đổi A thành $\text{CH}_4(a), \text{CH}_2(b), \text{NH}(0,2 - \text{Theo bảo toàn N})$ và $\text{H}_2(-0,1)$

$$m_{\text{A}} = 16a + 14b + 0,2.15 - 0,1.2 = 19,3$$

$$n_{\text{O}_2} = 2a + 1,5b + 0,2.0,25 - 0,1.0,5 = 1,825$$

$$\rightarrow a = 0,2; b = 0,95$$

$$\rightarrow n_{\text{A}} = a = 0,2 \text{ và } n_{\text{C}} = a + b = 1,15$$

Số C = 5,75 $\rightarrow$ A gồm $\text{C}_5(0,05)$ và $\text{C}_6(0,15)$

$$\text{Vì } n_{\text{X}} = n_{\text{N}_2} = 0,1 \rightarrow n_{\text{Y}} + n_{\text{Z}} = n_{\text{A}} - n_{\text{X}} = 0,1$$

Dễ thấy $n_{\text{H}_2} = -(n_{\text{Y}} + n_{\text{Z}})$ nên Y, Z là các anken.

Vậy A gồm $\text{C}_6\text{H}_{14}\text{N}_2(0,1); \text{C}_5\text{H}_{10}(0,05)$ và $\text{C}_6\text{H}_{12}(0,05)$

$$\rightarrow \% \text{C}_5\text{H}_{10} = 18,13\% \text{ và } \text{C}_6\text{H}_{12} = 21,76\%$$

Câu 78: Chọn A.

(a) Đúng

(b) Đúng.

(c) Sai, saccarozơ không tráng bạc, nó dùng trong kỹ thuật tráng gương vì thủy phân tạo các sản phẩm có tráng bạc.

(d) Đúng, do tạo muối tan $C_6H_5NH_3Cl$ dễ bị rửa trôi.

(e) Sai, 1 mol peptit Glu-Ala-Gly phản ứng được tối đa với 4 mol NaOH.

Câu 79: Chọn B.

$$n_{NaOH} = 2n_{Na_2CO_3} = 0,15$$

$$\rightarrow n_{NaOH} \text{ phản ứng} = 0,12 \text{ và } n_{NaOH} \text{ dư} = 0,03$$

$$n_{H_2O} = 0,015$$

Dễ thấy $n_{NaOH} \text{ dư} = 2n_{H_2O}$ nên các muối không có H $\rightarrow$ Các muối đều 2 chức.

$$\text{Đốt E} \rightarrow n_{CO_2} = u \text{ và } n_{H_2O} = v$$

$$\text{Bảo toàn O} \rightarrow 2u + v = 0,12.2 + 0,37.2$$

$$m_E = 12u + 2v + 0,12.2.16 = 8,84$$

$$\rightarrow u = 0,38 \text{ và } v = 0,22$$

$$n_E = \frac{n_{NaOH}}{2} = 0,06 \rightarrow u - v > n_E \rightarrow E \text{ chứa este không no.}$$

Các muối trong T đều có $M < 180 \rightarrow (COONa)_2(x)$ và $C_2(COONa)_2(y)$

$$n_E = x + y = 0,06$$

$$n_{CO_2} - n_{H_2O} = x + 3y = 0,16$$

$$\rightarrow x = 0,01; y = 0,05$$

Đặt n, m là tổng số C của gốc ancol tương ứng

$$\rightarrow n_C = 0,01(n + 2) + 0,05(m + 4) = 0,38$$

$$\rightarrow n + 5m = 16$$

Với $n, m \geq 2 \rightarrow n = 6, m = 2$ là nghiệm duy nhất.

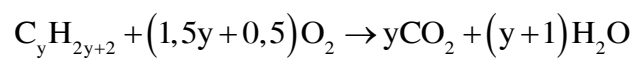
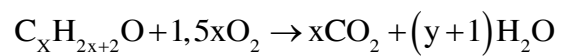
Các este gồm $(COOH)_2.6CH_2(0,01)$ và $C_2(COOH)_2.2CH_2(0,05)$

$$\rightarrow m_{(COOH)_2.6CH_2} = 1,74 \text{ gam}$$

Câu 80: Chọn C.

Nếu Y, Z là anken thì đốt hỗn hợp ancol no, đơn, hở và anken sẽ có $n_{O_2} = 1,5n_{CO_2}$: Vô lý.

Vậy Y, Z là các ankan.



$$\text{Đặt } n_{Ancol} = ax + by = 0,9 \quad (1)$$

$$n_{O_2} = 1,5ax + 1,5by + 0,5b = 1,425$$

$$\rightarrow b = 0,15$$

$$(1) \rightarrow by < 0,9 \rightarrow y < 6$$

Y, Z dạng lỏng nên có số $C \geq 5 \rightarrow Y$ là C_5H_{12} .